TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 5 – 2021

"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Minh Thuận.

2/ Bà Nguyễn Kim Hương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lý Thị Qual – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Triệu Thị P, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 709, khu 2, ấp H, thị trấn L, huyện T, tỉnh S.

- *Bị đơn*: Ông Kim D, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Triệu Thị P trình bày:

Bà Triệu Thị P với ông Kim D kết hôn với nhau vào năm 2016. Hai người có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 102 ngày 12/12/2016.

Sau khi kết hôn hai người về sống bên gia đình bà P. Thời gian đầu hai người sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi vả. Ông D bỏ về nhà cha mẹ ruột. Hai người ly thân từ đó cho đến nay.

Thời gian chung sống hai người có một con chung tên Kim Triệu Thị Bé H, sinh ngày 18/8/2017. Hiện con đang sống cùng bà P.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Triệu Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Kim D.

- Về con chung: Yêu cầu được nuôi con. Yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đ đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Kim D không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 04/2021/TB-TLVA ngày 08 tháng 01 năm 2021, tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông Kim D nhưng ông D không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị P. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông D để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt ông D, không tiến hành hòa giải được và ông D cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Triệu Thị P ly hôn với ông Kim D. Về con chung: Giao con cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Buộc ông D phải cấp dưỡng nuôi con theo luật định. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Kim D và bà Triệu Thị P đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà Phượng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt còn ông D thì vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà P và ông D.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Triệu Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Toà án cho ly hôn với ông Kim D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Triệu Thị P với ông Kim D là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Hai người không còn chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2018, thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau. Quá trình làm việc tại tòa bà P cương quyết xin ly hôn

và cho rằng không còn tình cảm với ông D. Nếu kéo dài cuộc hôn nhân này sẽ làm khổ cho cả hai và làm ảnh hưởng đến con cái. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà P yêu cầu được ly hôn với ông D là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Kim Triệu Thị Bé H, sinh ngày 18/8/2017. Bà P yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. Xét thấy con đang sống cùng bà P nên yêu cầu của bà P là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình làm việc bà Triệu Thị P cho rằng ông Kim D làm thuê không có nghề nghiệp ổn định. Như vậy không thể xác định được chính xác thu nhập thực tế của ông D hàng tháng là bao nhiêu. Theo luật định mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con và do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì tùy vào từng trường hợp cụ thể, vào khả năng của mỗi bên mà quyết định mức cấp dưỡng nuôi con cho hợp lý. Pháp luật hiện hành không quy định cụ thể mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn là bao nhiêu mà sẽ phụ thuộc vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Như vậy theo bà P yêu cầu ông D cấp dưỡng mỗi tháng 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) có sự thay đổi mức cấp dưỡng so với đơn khởi kiện ban đầu (2.000.000đ/tháng) là có cơ sở chấp nhận. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì bà P có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà P yêu cầu nên bà P phải chịu theo luật định.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Triệu Thị P.

- Về hôn nhân: Bà Triệu Thị P được quyền ly hôn với ông Kim D.

- Về con chung: Giao cháu Kim Triệu Thị Bé H, sinh ngày 18/8/2017 cho bà Triệu Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Kim D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông D lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông D. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng: Buộc ông Kim D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Kim Triệu Thị Bé H, sinh ngày 18/8/2017 mỗi tháng 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 24/5/2021. Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Kim D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng.

+ Bà Triệu Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0005856 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà P đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng

Nơi nhận:
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
- UBND xã Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, Sóc Trăng;
-Lưu HSVA.